

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2019/HS-PT
Ngày 28 - 6 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2019/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: LÊ THANH T

Sinh năm 1971 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị B; vợ là Nguyễn Thị Thu T (đã ly hôn), có hai con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; bị cáo sống chung như vợ chồng với Trần Thị Thanh T; tiền án: có một tiền án. Ngày 25/4/1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về “Tội giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước” (chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08/6/1998, **phần biện pháp tư pháp của bản án thi hành xong vào ngày 17/01/2019**); tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, Lê Thanh T hợp đồng xe ô tô loại 16 chỗ ngồi biển số xxL-xxxx của anh Tôn Đào Ngọc T2 để chở khách. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho V (không rõ địa chỉ) hẹn gặp ở phường Phú Khương, thành phố Bến Tre để mượn 1.000.000 đồng đi Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T được V thuê chở thuốc lá điều nhập lậu từ ngã tư L, thuộc xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang về tỉnh Bến Tre thì được T đồng ý. Sau khi chở khách lên Thành phố Hồ Chí Minh xong, T điều khiển xe đến địa điểm trên thì gặp V, khi đến T

xuống phía sau mở cửa, một lúc sau có hai người thanh niên điều khiển 02 xe mô tô (không rõ biển số, không biết tên họ) chở các túi nilong màu đen đựng thuốc lá điều nhập lậu để vào phía sau hàng ghế rồi đóng cửa lại, sau đó T điều khiển xe chạy về tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an huyện C và Công an tỉnh Bến Tre phối hợp kiểm tra bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 3.500 bao thuốc lá điều nhập lậu (2.000 bao SCOTT; 1.500 bao JET); 01 xe ô tô biển số xxL-xxxx; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số xxL-xxxx; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số KC675114; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số BB180230963; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Thanh T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy-J2 Pro.

Quá trình điều tra Công an huyện C đã trả lại 01 xe ô tô biển số xxL-xxxx; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số xxL-xxxx; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số KC675114; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số BB180230963 cho bà Phạm Bảo T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định: tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 bị cáo Lê Thanh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm, bị cáo bổ sung yêu cầu kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt tù.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm “Tội vận chuyển hàng cấm” theo điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp, về nhân thân bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 02 (hai) năm tù. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu giảm nhẹ án do hoàn cảnh khó khăn có hai

con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào ngày 31 tháng 10 năm 2018, Lê Thanh T có hành vi vận chuyển 3.500 bao thuốc lá điều nhập lậu (do người phụ nữ tên V không rõ lai lịch thuê) từ ngã tư L thuộc xã T, huyện C tỉnh Tiền Giang về tỉnh Bến Tre bằng xe ô tô loại 16 chỗ, biển số xxL-xxxx. Khi đến khu vực thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị kiểm tra bắt quả tang.

[2] Với ý thức, hành vi và số lượng hàng phạm pháp, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm “Tội vận chuyển hàng cấm” theo điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về “Tội giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08-6-1998, nhưng đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ngày 31 tháng 10 năm 2018) bị cáo vẫn chưa chấp hành xong các nội dung, quyết định khác của bản án nên bị cáo chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm (điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự). Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có cha được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, có mẹ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, có người thân là Liệt sĩ, đang nuôi con nhỏ chưa thành niên được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. **Tại cấp phúc thẩm** bị cáo cung cấp chứng minh có ông nội là Lê Văn B là liệt sĩ và được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, ông ngoại là Nguyễn Văn L là thương binh hạng 2/4, được tặng Huân chương độc lập, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, hiện bị cáo đang thờ cúng liệt sĩ Nguyễn Văn B là cậu ruột, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi hai con nhỏ và mẹ (sinh năm 1948) già yếu. Thấy rằng, đối với các tình tiết bị cáo đưa ra thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ mới khác. Xét yêu cầu hưởng án treo của bị cáo thấy rằng, bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù cho bị cáo nên không chấp nhận yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nhiều tình tiết khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, trong đó hoàn cảnh của bị cáo khó khăn là lao động chính trong gia đình, còn nuôi mẹ già (là tình tiết mới), con nhỏ. Nên cần giảm thêm một phần hình phạt cho bị cáo theo Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ cải

tạo giáo dục bị cáo, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí, bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 18-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”;

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Thanh T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an và VKSND huyện C (2b)
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã L, huyện Giồng Trôm (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh